

Số: 1384 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chế độ mai táng phí
cho các đối tượng theo các Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg;
số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2023;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 102/TTr-SLĐTBXH ngày 11/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách gồm **53** đối tượng (có danh sách kèm theo) được hưởng trợ cấp tiền mai táng phí theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ; tổng số tiền chi trả là: **777.400.000 đồng** (Bảy trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí ngân sách tỉnh năm 2023 được UBND tỉnh giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 12/12/2022.

Điều 2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện: Ba Tơ, Bình Sơn, Mộ Đức, Sơn Hà, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Tư Nghĩa và thị xã Đức Phổ có đối tượng hưởng trợ cấp tiền mai táng phí được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này thực hiện cấp phát, chi trả đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định tài chính hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Ba Tơ, Bình Sơn, Mộ Đức, Sơn Hà, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Tư Nghĩa và thị xã Đức Phổ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và thân nhân các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(VX), KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXmy449



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh



DANH SÁCH
GIẢI QUYẾT MẠI TÁNG PHÍ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 290/2005/QĐ-TTg VÀ SỐ 62/2011/QĐ-TTg

(Kèm theo Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi từ trần	Ngày, tháng năm từ trần	Mức hưởng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Phạm Văn Bốp	1958	xã Ba Vì, huyện Ba Tư	xã Ba Vì, huyện Ba Tư	08/3/2023	14.900.000	QĐ-290
2	Phạm Văn Tành (Tanh)	1953	xã Ba Vì, huyện Ba Tư	xã Ba Vì, huyện Ba Tư	16/5/2023	14.900.000	QĐ-62
3	Bùi Vỹ	1930	xã Bình Châu, huyện Bình Sơn	xã Bình Châu, huyện Bình Sơn	04/01/2023	14.900.000	QĐ-290
4	Huỳnh Thị Công	1943	xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn	xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn	20/4/2023	14.900.000	QĐ-290
5	Nguyễn Thị Hựu	1920	xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn	xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn	11/02/2023	14.900.000	QĐ-290
6	Võ Thị An	1932	xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn	xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn	22/02/2023	14.900.000	QĐ-290
7	Hồ Văn Đường	1950	xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn	xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn	26/4/2023	14.900.000	QĐ-290
8	Nguyễn Chí	1954	xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	06/02/2023	14.900.000	QĐ-62
9	Nguyễn Hào	1963	xã Bình Dương, huyện Bình Sơn	xã Bình Dương, huyện Bình Sơn	15/4/2023	14.900.000	QĐ-62
10	Lê Văn Đo	1965	xã Bình Dương, huyện Bình Sơn	xã Bình Dương, huyện Bình Sơn	10/3/2023	14.900.000	QĐ-62
11	Nguyễn Đức Bản	1967	xã Bình Châu, huyện Bình Sơn	xã Bình Châu, huyện Bình Sơn	24/3/2023	14.900.000	QĐ-62
12	Nguyễn Thị Bân	1946	xã Bình Trung, huyện Bình Sơn	xã Bình Trung, huyện Bình Sơn	20/6/2023	14.900.000	QĐ-290
13	Phan Bĩa	1930	xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn	xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn	14/3/2023	14.900.000	QĐ-290
14	Đoàn Văn Ngọc	1957	xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	28/3/2023	14.900.000	QĐ-62
15	Mai Văn Thu	1960	xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn	xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn	05/4/2023	14.900.000	QĐ-62
16	Nguyễn Thanh Quang	1952	xã Bình Thới, huyện Bình Sơn	thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn	09/5/2023	14.900.000	QĐ-62
17	Phạm Hồng Vân	1964	xã Bình Trung, huyện Bình Sơn	xã Bình Trung, huyện Bình Sơn	30/5/2023	14.900.000	QĐ-62
18	Trần Thị Lật	1943	phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ	phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ	21/5/2023	14.900.000	QĐ-290
19	Nguyễn Liên	1930	xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ	xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ	02/5/2023	14.900.000	QĐ-290

20	Nguyễn Bê	1940	xã Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ	xã Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ	08/01/2023	14.900.000	QĐ-290
21	Võ Thị Phúc	1948	xã Phổ Châu, thị xã Đức Phổ	xã Phổ Châu, thị xã Đức Phổ	01/5/2023	14.900.000	QĐ-290
22	Nguyễn Phiếu	1941	phường Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ	phường Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ	09/6/2023	14.900.000	QĐ-290
23	Huỳnh Số	1939	phường Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ	phường Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ	06/11/2023	14.900.000	QĐ-290
24	Trần Ngọc Tư	1953	phường Phổ Văn, thị xã Đức Phổ	phường Phổ Văn, thị xã Đức Phổ	27/7/2023	14.900.000	QĐ-290
25	Nguyễn Dán	1939	phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ	phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ	18/5/2023	14.900.000	QĐ-290
26	Phạm Xuân Dịch	1969	xã Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ	xã Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ	05/7/2023	14.900.000	QĐ-62
27	Nguyễn Đình Sương	1953	xã Phổ An, thị xã Đức Phổ	xã Phổ An, thị xã Đức Phổ	17/6/2023	14.900.000	QĐ-62
28	Võ Đình Lai	1965	phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ	phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ	20/6/2023	14.900.000	QĐ-62
29	Phạm Ngọc Thư	1967	xã Đức Minh, huyện Mộ Đức	xã Đức Minh, huyện Mộ Đức	18/6/2023	14.900.000	QĐ-62
30	Nguyễn Văn Cu	1966	xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	07/7/2023	14.900.000	QĐ-62
31	Trần Tú	1957	xã Đức Minh, huyện Mộ Đức	xã Đức Minh, huyện Mộ Đức	22/6/2003	14.900.000	QĐ-62
32	Phạm Đồng	1955	xã Đức Lân, huyện Mộ Đức	xã Đức Lân, huyện Mộ Đức	11/6/2023	14.900.000	QĐ-290
33	Đinh Văn Éo	1962	thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	03/5/2023	14.900.000	QĐ-62
34	Đinh Thị Men	1946	xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà	xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà	18/3/2017	12.100.000	QĐ-290
35	Đinh Thị Trên	1952	xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà	xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà	28/10/2022	14.900.000	QĐ-290
36	Nguyễn Tiến Dũng	1957	xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	09/6/2023	14.900.000	QĐ-62
37	Bạch Ngọc Tài	1960	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	20/8/2023	18.000.000	QĐ-62
38	Nguyễn Đình Nhân	1967	xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	08/7/2023	18.000.000	QĐ-62
39	Nguyễn Cường	1967	xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh	xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh	19/8/2023	18.000.000	QĐ-62
40	Hồ Thị Sen	1945	xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng	xã Sơn Trà, huyện Trà Bồng	25/9/2022	14.900.000	QĐ-290
41	Hồ Văn Ba	1940	xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng	xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng	16/5/2023	14.900.000	QĐ-290
42	Hồ Thị Dé	1945	xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	06/11/2017	13.000.000	QĐ-290
43	Hồ Văn Lễ	1945	xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	4/28/2017	12.100.000	QĐ-290

44	Đinh Thị Thoa	1934	xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	23/6/2016	12.100.000	QĐ-290
45	Đinh Thị Dấp	1941	xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	06/4/2013	10.500.000	QĐ-290
46	Đinh Thị Đơn	1944	xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	09/12/2015	11.500.000	QĐ-290
47	Hồ Văn Troang	1930	xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	xã Trà Tây, huyện Trà Bồng	16/9/2011	8.300.000	QĐ-290
48	Nguyễn Ngọc Dũng	1956	xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa	23/02/2023	14.900.000	QĐ-62
49	Trần Thuộc	1956	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	16/5/2023	14.900.000	QĐ-62
50	Vương Hòa	1938	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	27/5/2023	14.900.000	QĐ-290
51	Trần Thị Huyền	1931	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	01/6/2023	14.900.000	QĐ-290
52	Trương Quang Minh	1928	xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa	01/6/2023	14.900.000	QĐ-290
53	Nguyễn Hòa	1962	xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa	xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa	28/7/2023	18.000.000	QĐ-62
TỔNG CỘNG						777.400.000	

Tổng cộng trong danh sách có: **53** (Năm mươi ba) người.

Số tiền: **777.400.000 đồng** (Bảy trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng) ./.